



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
PHÂN HIỆU ĐHTN TẠI TỈNH LÀO CAI
THAI NGUYEN UNIVERSITY - LAO CAI CAMPUS

THÔNG TIN TUYỂN SINH

NĂM 2026

Mã trường: DTP





📍 Tổ 13, Phường Cam Đường, Lào Cai

☎ 0988.552.325 | 0348.829.163

📘 phanhieudaihocthainguyentailaocai

🌐 laocai.tnu.edu.vn

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai là cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Đại học Thái Nguyên, đào tạo đa ngành; gắn đào tạo với nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Lào Cai và khu vực.





2. VÌ SAO BẠN CHỌN PHÂN HIỆU ĐHTN TẠI TỈNH LÀO CAI?

- Môi trường học tập thân thiện, thuận lợi và giàu trải nghiệm
- Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng.
- Tăng cường thực hành, thực tập tại doanh nghiệp, trường học và cơ sở chuyên môn.
- Nhiều hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm và hỗ trợ phát triển kỹ năng.
- Cơ hội việc làm và liên thông sau khi tốt nghiệp.



3. NGÀNH TUYỂN SINH

Tuyển sinh 12 ngành đại học với 1090 chỉ tiêu xét tuyển:

| TT | NGÀNH | MÃ NGÀNH | CHỈ TIÊU | TỔ HỢP XÉT TUYỂN |
|----|--------------------------------|----------|----------|------------------------------------|
| 1 | Chăn nuôi | 7620105 | 30 | B03-C01-C02 D01-D04 |
| 2 | Khoa học cây trồng | 7620110 | 30 | |
| 3 | QL Tài nguyên và Môi trường | 7850101 | 50 | |
| 4 | Quản trị DV Du lịch và Lữ hành | 7810103 | 150 | C03-C04-C14 D01-D04 |
| 5 | Giáo dục Mầm non | 7140201 | 250 | B03-C01-C02-C03 C04-C14-D01-D04 |
| 6 | Giáo dục Tiểu học (CT đại trà) | 7140202 | 170 | |



TRONG ĐÓ:

- ✓ A00 (Toán, Lý, Hoá);
- ✓ A01 (Toán, Lý, Anh);
- ✓ B03 (Văn, Toán, Sinh);
- ✓ B08 (Toán, Sinh, Anh);
- ✓ C01 (Văn, Toán, Lý);

| | | | | |
|----|----------------------------------|---------|-----|---|
| 7 | Giáo dục Tiểu học (CT tiếng Anh) | 7140202 | 30 | A01-B08-D01-D04 D07-D09-D10-D11 D12-D13-D14-D15 |
| 8 | Ngôn ngữ Trung Quốc | 7220204 | 160 | B03-C01-C02-C03 C04-C14-D01-D04 |
| 9 | Kinh tế | 7310101 | 50 | C01-C02-C03 |
| 10 | Kinh tế số | 7310109 | 70 | C04-C14-D01-D04 |
| 11 | Thú y | 7640101 | 50 | B03-C01-C02 D01-D04 |
| 12 | Công nghệ thông tin | 7480201 | 50 | A00-A01-D01 D04-D07-X06-X26 |

- ✓ C02 (Văn, Toán, Hoá);
- ✓ C03 (Văn, Toán, Sử);
- ✓ C04 (Văn, Toán, Địa);
- ✓ C14 (Văn, Toán, GDKTPL);
- ✓ D01 (Văn, Toán, Anh);
- ✓ D04 (Văn, Toán, Trung);
- ✓ D07 (Toán, Hoá, Anh);
- ✓ D09 (Toán, Sử, Anh);
- ✓ D10 (Toán, Địa, Anh);
- ✓ D11 (Văn, Lý, Anh);
- ✓ D12 (Văn, Hoá, Anh);
- ✓ D13 (Văn, Sinh, Anh);
- ✓ D14 (Văn, Sử, Anh);
- ✓ D15 (Văn, Địa, Anh)
- ✓ X06 (Toán, Lý, Tin)
- ✓ X26 (Toán, Anh, Tin)

4. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI TUYỂN SINH, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

4.1. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT hoặc tương đương



Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau



Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT và của ĐH Thái Nguyên/Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai



Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành

4.2. PHẠM VI TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong cả nước.

5. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN VÀ NGƯỠNG ĐẦU VÀO



5.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2026:

• Ngưỡng điểm đầu vào tối thiểu 15/30 điểm:

Áp dụng cho 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển.

Phân loại ngưỡng điểm đầu vào theo nhóm ngành

| | |
|--------------------|------------------------------|
| Ngành ĐT đại trà | Tối thiểu 15 điểm (thang 30) |
| Ngành ĐT Giáo viên | BGD&ĐT công bố hằng năm |

5.2. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ):

• KHÔNG áp dụng đối với ngành ĐH giáo dục mầm non và ĐH giáo dục tiểu học;

• Ngưỡng điểm đầu vào tối thiểu 15/30 điểm: Áp dụng cho 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026.

• Tổ hợp xét tuyển sử dụng điểm TBC kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của tối thiểu 03 môn học.



5.3. Xét tuyển dựa trên điểm thi V-SAT 2026:

Tổng điểm 3 môn V-SAT quy đổi về thang điểm 30 tương ứng với điểm xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi THPT 2026. Căn cứ kết quả Phân hiệu sẽ XD ngưỡng điểm quy đổi và công bố theo QĐ của Bộ GD&ĐT.

5.4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

5.5. Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị Đại học:

Thí sinh có điểm xét chuyển của ba môn thi cuối khóa đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định.

Trường hợp thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (để miễn thi tốt nghiệp môn ngoại ngữ) và đăng ký xét tuyển đại học.

Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ

| NỘI DUNG | Mức điểm IELTS | TOEFL iBT tương đương | VSTEP (Bậc/Điểm) | Điểm quy đổi xét tuyển (Thang 10) |
|------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Tiếng Anh | 5.0 | 45 | Bậc 3 (5.5) | 8.0 |
| | 5.5 | 46 - 59 | Bậc 4 (6.0 - 6.5) | 8.5 |
| | 6.0 | 60 - 78 | Bậc 4 (7.0 - 8.0) | 9.0 |
| | 6.5 | 79 - 93 | Bậc 5 (8.5 - 9.0) | 9.5 |
| | ≥ 6.5 | ≥ 94 | Bậc 5 (9.5 - 10) | 10 |
| Tiếng Trung Quốc | HSK3 | | | 7.0 |
| | HSK4 (Từ 180 - 259 điểm) | | | 8.0 |
| | HSK4 (Từ 260 - 300 điểm) | | | 9.0 |
| | HSK 5 | | | 10 |

6. TỔ CHỨC TUYỂN SINH

6.1. Thời gian đăng ký:

Tất cả các hình thức đều phải đăng ký nguyện vọng trực tuyến trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT, theo lịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



6.2. Hình thức nhận hồ sơ trực tiếp với thí sinh đã trúng tuyển:

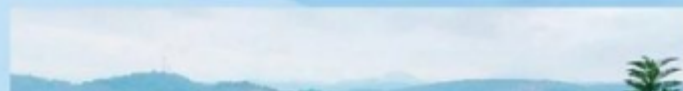
Nhận hồ sơ trực tiếp tại Phân hiệu hoặc nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo - NCKH & HTQT, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai, Tổ 13, P. Cam Đường, Tỉnh Lào Cai.



7. CHÍNH SÁCH: HỌC BỔNG, MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, KÍ TÚC XÁ...

7.1. Chế độ miễn, giảm học phí:

Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.



7.2. Chính sách hỗ trợ học phí, chi phí sinh hoạt đối với Sinh viên Sư phạm:

Theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP.

7.3. Chế độ hỗ trợ chi phí học tập:

Dành cho Sinh viên là người DTTS thuộc hộ nghèo và cận nghèo (60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/năm học).

7.4. Trợ cấp xã hội:

Sinh viên dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Sinh viên nghèo vượt khó trong học tập (100.000 đồng đến 140.000 đồng/người/tháng - hưởng 12 tháng trong năm).

7.5. Chế độ hỗ trợ học tập:

Dành cho Sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người (100% mức lương cơ sở/Sinh viên/tháng - hưởng 12 tháng/năm).

Ngoài ra, sinh viên được hưởng học bổng khuyến khích học tập theo từng kì học; Được vay vốn hỗ trợ học tập theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

